VinhThái®
Local Supply - Global Quality

20 năm
ĐỒNG HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN
CÔNG NGHỆ LIÊN KẾT VẬT LIỆU

3M
Authorized Distributor

Sáng tạo không giới hạn

Khám phá danh mục sản phẩm keo dán
và băng dính công nghiệp

Quét mã QR để được chúng tôi tư vấn

Băng dính hai mặt
cường lực 3M™ VHB™

Băng dính hai mặt 3M™
cho liên kết mỏng

Khóa kép 3M™

Keo cường lực
3M™ Scotch-Weld™

Keo & băng dính 3M

Trong lĩnh vực năng động như thiết kế và kỹ thuật, những người thực hiện phải đối mặt với những thách thức hàng ngày trong việc nâng cao cả thiết kế và quy trình sản xuất. Đáp ứng nhu cầu này, 3M xin được giới thiệu dải băng dính và keo mang tính đột phá.

Thúc đẩy việc tối ưu sử dụng kết hợp đa dạng các vật liệu trong thiết kế sản phẩm, các giải pháp của chúng tôi góp phần nâng cao tính thẩm mỹ, kết cấu nhẹ hơn và cải thiện hiệu suất sử dụng đầu cuối. Giải pháp băng dính và keo dán mang tính sáng tạo này hỗ trợ đắc lực khách hàng chế tác các sản phẩm hướng đến sự sáng tạo, hiệu quả và hiệu suất.

Bao trùm nhiều ứng dụng và vật liệu cần dán dính khác nhau, keo và băng dính 3M phù hợp cho nhiều điều kiện, mang đến nhiều giải pháp tùy biến để tối ưu hóa quy trình lắp ráp của bạn.

Tìm sản phẩm của bạn

Băng dính liên kết mỏng 3M™

Thiết kế của bạn + **Công nghệ của chúng tôi** = **Giải pháp hoàn chỉnh**

Các chi tiết, thiết kế và chuyên gia sản xuất của bạn

Khoa học và đội ngũ chuyên gia về ghép dính của chúng tôi

Một giải pháp hoàn chỉnh cho ứng dụng của bạn

Công cụ tìm kiếm dòng sản phẩm

Bước 1:
Loại hình lắp ráp cần dán dính?

Bước 2:
Các yêu cầu quan trọng?

Bước 3:
Lựa chọn dòng sản phẩm
(nhấp chuột)

Công cụ lựa chọn trực tuyến

Để biết thêm chi tiết thông tin, vui lòng truy cập công cụ lựa chọn trực tuyến của chúng tôi

Tấm panel với hệ khung / Thanh gia cường với tấm panel

Tấm được dán lên một hệ khung cứng (ví dụ tấm panel trên xe đầu kéo) hoặc một thanh gia cường trên tấm panel (ví dụ biển báo giao thông)

Không có khe hở/ khe hở hẹp (< 1,6mm) giữa 2 bề mặt hay keo cần điền đầy khoảng hở lớn hơn?

Yêu cầu cần làm kín khoảng hở

Không có khoảng hở hoặc khoảng hở nhỏ

Cần liên kết cố định hay tháo lắp linh hoạt

Tháo lắp linh hoạt

Cố định

Keo bịt kín 3M™

Truy cập website để biết thêm thông tin.

Khóa kép™ 3M™

Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™

Keo cường lực Scotch-Weld™ 3M™

Ép cán khổ lớn

Hai tấm vật liệu có kích cùng kích thước được dán lên nhau cho toàn bộ bề mặt (ví dụ, miếng nệm đồ nội thất, miếng gỗ dán)

Mối liên kết cần cường lực (lực xé chồng mí > 6,9 N/mm2) hay cường lực thấp hơn cũng được chấp nhận?

Chịu lực kết cấu

Lực kết cấu thấp hơn cũng ổn

Cần liên kết cố định hay tháo lắp linh hoạt

Tháo lắp linh hoạt

Cố định

Băng dính hai mặt 3M™ cho các liên kết mảnh

Keo cường lực Scotch-Weld™ 3M™

Gắn khớp nối

Liên kết khớp nối có kích thước nhỏ (ví dụ, gắn đầu với tay gậy golf)

Keo cường lực Scotch-Weld™ 3M™

Đổ khuôn

Đổ keo xung quanh 1 chi tiết hoặc làm đầy khuôn để bảo vệ (ví dụ, các chi tiết điện tử trong 1 khuôn bằng nhựa)

Các chi tiết cần tháo lắp linh hoạt hay liên kết vĩnh viễn

Tháo lắp linh hoạt

Cố định

Không có khe hở/ khe hở hẹp (< 1,6mm) giữa 2 bề mặt hay keo cần điền đầy khoảng hở lớn hơn?

Yêu cầu cần làm kín khoảng hở

Không có khoảng hở hoặc khoảng hở nhỏ

Khóa kép™ 3M™

Băng dính hai mặt 3M™ cho các liên kết mảnh

Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™

Keo cường lực Scotch-Weld™ 3M™

Keo sealant 3M

Truy cập website để biết thêm thông tin.

Gắn khung vành

Liên kết một vật thể trên một bề mặt lớn (ví dụ, biển nhận diện, vành ben zen thiết bị điện tử)

Liên kết keo dán cần sự chính xác & không dùng áp lực để dàn keo hay độ chính xác tương đối và cần ép để dàn keo?)

Vị trí chính xác

Dàn keo trên bề mặt tiếp xúc

Các chi tiết cần tháo lắp linh hoạt hay liên kết vĩnh viễn

Không có khe hở/ khe hở hẹp (< 1,6mm) giữa 2 bề mặt hay keo cần điền đầy khoảng hở lớn hơn?

Tháo lắp linh hoạt

Cố định

Yêu cầu cần làm kín khoảng hở

Không có khoảng hở hoặc khoảng hở nhỏ

Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™

Keo cường lực Scotch-Weld™ 3M™

Keo sealant 3M

Truy cập website để biết thêm thông tin.

Hàn kín

Ngăn chặn chất lỏng hoặc khí đi qua mối nối (ví dụ, mối nối mái và tấm ốp)

Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™

Gắn gioăng, vòng đệm

Gắn gioăng đệm, hoặc sử dụng keo như gioăng đệm liên kết (ví dụ, màng lọc chất lỏng, khí)

Gắn vòng đệm hay sử dụng keo như miếng đệm liên kết?

Gắn gioăng đệm

Dùng keo làm gioăng đệm

Keo cường lực Scotch-Weld™ 3M™

Băng dính hai mặt 3M™ cho các liên kết mảnh

Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™

Ưu điểm của keo và băng dính 3M so với phương pháp liên kết cơ khí

Khắc phục bề mặt lồi lõm

- Liên kết hoàn toàn không có khe hở
- Không có lực đàn hồi, bù dung sai không tạo ứng suất sau thời gian ninh kết
- Độ ráp & lồi lõm bề mặt được xử lý triệt để bằng băng dính & keo dán

Tùy biến giải pháp theo khách hàng

- Băng dính được cắt bế tạo hình theo từng thiết kế ứng dụng

Kết hợp nhiều loại vật liệu

- Có thể bù trừ các hệ số giãn nở nhiệt khác nhau (ví dụ nhựa với kim loại)

Hiệu ứng giảm chấn

- Liên kết khép kín và hoàn toàn hạn chế tiếng ồn & giảm chấn

Liên kết hàn kín

- Bảo vệ ngăn chặn bụi bẩn, nước xâm nhập các mỗi nối

Phân phối ứng suất đồng đều

- Thay vì tập trung ứng suất trên vài điểm liên kết cố định, bề mặt liên kết nền sẽ được phân bổ ứng suất đều trên toàn bộ diện tích liên kết.

Giảm trọng lượng

• Ưu điểm đáng kể về giảm trọng lượng so với liên kết cơ khí

Tự do thiết kế

• So với ốc vít hoặc đinh tán, keo và băng dính ẩn chìm bên trong chi liên kết

Lắp đặt nhanh chóng và dễ dàng

• Tăng tốc quá trình sản xuất và giảm chi phí lao động - ít chi phí xử lý trước & sau công đoạn sản xuất

Giảm thiểu rủi ro ăn mòn vật liệu

• Băng dính và keo dán không để lại các lỗ trên bề mặt. Bề mặt không bị biến dạng & được bảo vệ (ví dụ, lớp mạ kẽm, sơn)

Nâng cao lực dính bằng cách chuẩn bị bề mặt tiêu chuẩn

Chuẩn bị bề mặt

Chuẩn bị bề mặt là điều cần thiết để đạt được hiệu suất liên kết tối ưu với keo dán và băng dính, đảm bảo bề mặt sạch, không có tạp chất bẩn, giúp liên kết chắc chắn và bền.

Bề mặt được chuẩn bị bằng một trong các quy trình sau:

1. Chỉ tẩy dầu mỡ
2. Tẩy dầu mỡ, mài nhám và làm sạch bằng dung môi
3. Tẩy dầu mỡ và tiền xử lý bằng hóa chất

Tẩy dầu mỡ

Chất tẩy rửa công nghiệp 3M™ và chất tẩy keo dính lý tưởng để giúp hòa tan và loại bỏ bụi bẩn, dầu mỡ, hắc ín và nhiều loại keo dính không đóng rắn.

Mài nhám

- Loại bỏ lớp bụi bẩn hoặc oxit dày trên kim loại hoặc sơn (ví dụ: thép mạ kẽm)
- Tạo thêm diện tích bề mặt làm tăng độ bám dính
- Làm mịn bề mặt để có độ phẳng hơn, cải thiện bề mặt tiếp xúc

Làm sạch bằng dung môi

Hầu hết các chất nền được chuẩn bị tốt nhất bằng cách vệ sinh bằng hỗn hợp 50:50 cồn isopropyl (IPA) và nước trước khi dán băng dính 3M. Có một số trường hợp ngoại lệ! Đối với các bề mặt đặc biệt hoặc bị bẩn, chỉ cần liên hệ chuyên gia dán dính 3M của chúng tôi để được tư vấn.

Tiền Xử lý bằng hóa chất

Nhưng để đạt được cường lực, khả năng tái tạo và khả năng chống hư hỏng tối đa, cần phải xử lý hóa học hoặc điện phân trước. Vui lòng liên hệ với Chuyên gia dán dính 3M của chúng tôi để tìm hiểu thêm.

Sử dụng dung dịch tăng dính Primer

Quét lót tăng dính bề mặt đặc biệt cần thiết cho việc liên kết keo dán và băng dính khi xử lý các bề mặt phức tạp hoặc có yêu cầu đặc thù, nó giúp tăng cường độ bám dính bằng cách tạo ra một lớp nền dễ tiếp xúc, cải thiện khả năng thấm ướt và đảm bảo mối liên kết chắc và bền.

1. Chuẩn bị bề mặt

Xem chi tiết bên trái

2. Quét lớp tăng dính

Có thể sử dụng một trong các phương pháp dưới đây. Vui lòng luôn làm theo hướng dẫn ghi trên bao bì sản phẩm

- Dùng khăn sử dụng 1 lần lau bề mặt

- Dùng chổi bọt mút

3. Để khô trước khi dán băng dính

Thi công dán băng dính hai mặt đúng cách như thế nào

1. Chuẩn bị bề mặt (chi tiết ở trang trước)

2. Thi công
• Đặt băng dính lên bề mặt cần dán, không kéo dãn băng dính
• Tránh các túi khí
• Không chạm vào keo và bề mặt liên kết
• Nhiệt độ thi công tối ưu: 15 đến 25 °C

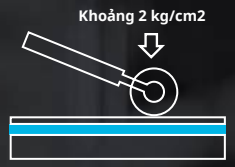

3. Áp lực nhấn
• Nhấn/lăn băng dính kỹ với áp lực khoảng 2 kg/cm2

4. Gỡ lớp lót
• Bóc lớp lót chống dính liền mạch một mảnh (để tránh lỗi "điểm dừng")
• Không chạm vào bề mặt keo dán

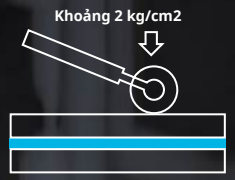

5. Nối & ép
• Dùng vật liệu nối
• Tránh các túi khí
• Nhấn/lăn với áp lực khoảng 2 kg/cm2

6. Thời gian chờ để đạt độ kết dính cuối cùng
• Chỉ để chịu tải sau thời gian ninh kết
• Đạt 50% độ kết dính cuối cùng sau khoảng 20 phút
• Độ bám dính cuối cùng ở 20 °C đạt được sau 72 giờ
• Sấy nhiệt đẩy nhanh quá trình ninh kết (ví dụ: đạt lực liên kết cuối cùng ở nhiệt độ 65 °C sau một giờ)

Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™

Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™ là loại băng dính tiên tiến được thiết kế để liên kết nhiều loại vật liệu với cường lực và độ bền đặc biệt. Dòng băng dính này mang đến một giải pháp linh hoạt cho nhiều mục đích, thay thế các phương pháp thông thường như dùng đinh vít và mối hàn.

Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™ mang tới giải pháp liên kết không có đường gân và thẩm mỹ, loại bỏ hiệu quả việc sử dụng đinh vít nổi. Được biết đến với đặc tính dễ thi công, dòng băng dính này đã trở thành lựa chọn đáng tin cậy rộng khắp các ngành công nghiệp về liên kết chắc chắn và không dấu vết giữa các bề mặt khác nhau, bao gồm kim loại, nhựa, thủy tinh và vật liệu composite.

Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™ có đặc tính nhớt đàn hồi

Một lợi thế quan trọng của băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™ so với băng dính xốp (foam) là ưu điểm nhớt đàn hồi, cho phép hấp thụ năng lượng và giảm sức căng. Không giống như băng xốp, băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™ có thể kéo giãn tới 50% độ dày mà không bị rách hoặc tách lớp.

Băng dính xốp thông thường	so với	Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™
• Có ứng suất trong liên kết • Màng foam gia cố dễ bị nứt		• Liên kết không có ứng suất • Hấp thụ năng lượng và giảm tải

Trong khi băng dính xốp chỉ có một lớp màng dính mỏng ở mặt trên hoặc mặt dưới, Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™ được làm hoàn toàn bằng chất kết dính. Cấu trúc nhớt đàn hồi của băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™cho phép nó chảy vào bề mặt. Nó không đông cứng ngay mà còn có tính mềm dẻo, tạo độ ướt 100%.

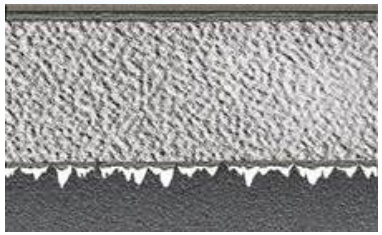

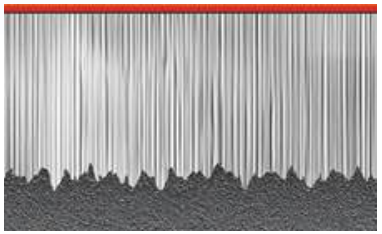

Băng keo xốp	so với	Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™
• Kết cấu mở hoặc đóng • Chỉ có thể bù đắp tối thiểu cho độ ráp hoặc dung sai bề mặt		• Độ ráp hoặc dung sai bề mặt được bù kín bằng tính chảy của keo lên bề mặt

Băng dính hai mặt cường lực 3M™ VHB™

	Số hiệu sản phẩm	Độ dày (mm)	Độ bám dính trên thép (N/cm)	Khả năng chịu nhiệt độ (°C) Dài hạn (ngày, tuần)	Ngắn hạn (phút, giờ)	Mật độ (kg/m³)	Màu sắc	Chứng nhận
Lý tưởng cho liên kết đa vật liệu								
• Dùng để liên kết các vật liệu có năng lượng cao như kim loại (bao gồm cả thép), nhiều loại nhựa và PVC mềm • Dùng trong nhà và ngoài trời • Khả năng kháng hóa dẻo tốt	4936	0.64	30.0	90	150	720	●	UL746C
	4941	1.10	35.0	90	150	720	●	UL746C
	4956	1.55	35.0	90	150	720	●	UL746C
	4991	2.30	35.0	90	150	720	●	UL746C
	4947	1.10	35.0	90	150	720	○	UL746C
	4979	1.55	35.0	90	150	720	○	UL746C
Dành cho bề mặt sơn tĩnh điện								
• Dùng để liên kết các vật liệu có năng lượng thấp như bề mặt sơn tĩnh điện và các vật liệu có năng lượng cao như kim loại (bao gồm cả thép) và nhiều loại nhựa • Cung cấp khả năng thích ứng tối ưu với các bề mặt cần liên kết • Dùng trong nhà và ngoài trời	5909	0.30	21.0	90	120	750	○	
	5925	0.64	35.0	120	150	590	○	UL746C
	5952	1.10	35.0	120	150	590	○	UL746C
	5962	1.55	35.0	120	150	640	○	UL746C
Dùng cho nhiệt độ cao và trước khi sơn tĩnh điện								
• Dành cho các ứng dụng ở nhiệt độ vận hành cao, chẳng hạn như trước khi xử lý trong dây chuyền sơn tĩnh điện • Đối với các vật liệu có năng lượng cao và trung bình như kim loại (ví dụ thép) và nhiều loại nhựa (ví dụ PA, kính, acrylic/PMMA, ABS)	RP+040GP/F	0.40	31.0	121	230	800	●	
	GPH-060GF	0.60	25.0	150	230	710	●	
	RP+080GP/F	0.80	45.0	121	230	750	●	
	GPH-110GF	1.10	37.0	150	230	710	●	
	GPH-160GF	1.60	34.0	150	230	710	●	
	RP+230GP/F	2.30	57.0	121	230	705	●	
Với nhựa đặc biệt và vật liệu composite								
• Dùng để liên kết vật liệu có bề mặt năng lượng thấp (LSE) khó liên kết, không cần chất tăng dính, như PP, TPO, GRP, CFRP và phủ polyester • Độ bám dính ở nhiệt độ thấp từ 0 °C (không đóng băng) • Dùng trong nhà và ngoài trời	LSE-060WF	0.60	30.0	100	150	715	○	
	LSE-110WF	1.10	44.0	100	150	715	○	
	LSE-160WF	1.60	54.0	100	150	715	○	
Đối với vật liệu trong suốt								
• Dùng để ghép các vật liệu trong suốt như thủy tinh và nhiều loại nhựa • Dùng trong nhà và ngoài trời	4905	0.5	21.0	90	150	960	◌	UL746C
	4910	1.0	26.0	90	150	960	◌	UL746C
	4915	1.5	26.0	90	150	960	◌	
	4918	2.0	26.0	90	150	960	◌	
Vật liệu hàm lượng VOC thấp								
• Giảm 85% VOC so với băng dính foam acrylic thông thường • Giảm 80% hiệu ứng đọng sương so với băng dính foam acrylic thông thường	LVO-060BF	0,6	38	93	121	540	○	FDA, VDA278
	LVO-110BF	1.1	38	93	121	540	○	FDA, VDA278
	LVO-160BF	1.6	38	93	121	540	○	FDA, VDA278

○ Đen ● Xám ◌ Trong suốt ● Trắng

Tấm pa-nel với hệ khung | **Gắn khung vành** | **Hàn kín** | **Gắn gioăng, vòng đệm**

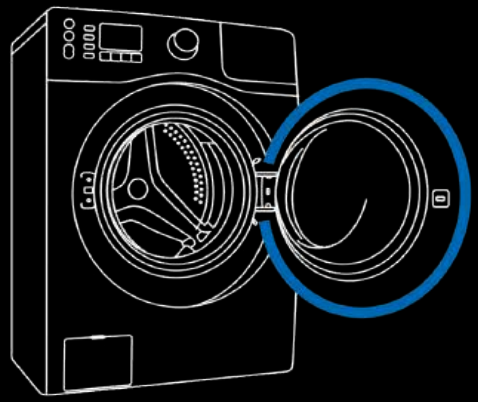

Mẫu miễn phí

Liên hệ với chúng tôi để yêu cầu mẫu miễn phí.

Cắt bế hình dạng băng dính

Bạn cần hình dạng hoặc kích thước cụ thể? Hãy tìm hiểu chi tiết.

Công cụ chọn sản phẩm trực tuyến

Để biết thêm chi tiết thông tin, vui lòng truy cập

Băng dính hai mặt 3M™ cho liên kết mỏng

Khám phá những lợi thế giải pháp liên kết mỏng từ 3M

Được tạo tác chính xác, những sản phẩm này có độ dày 0,25 mm hoặc mỏng hơn, mang đến giải pháp tinh tế và phù hợp cho nhiều ứng dụng khác nhau. Lý tưởng cho các sản phẩm hoàn thiện yêu cầu cấu hình tổng thể mảnh.

Trải nghiệm tính tùy biến đặc biệt

Băng dính hai mặt 3M™ cho liên kết mỏng của chúng tôi được thiết kế để có tính linh hoạt, có khả năng thích ứng đặc biệt giúp chúng trở nên hoàn hảo cho các hình dạng bề mặt phức tạp. Cho dù bạn đang làm việc với các hình dạng phức tạp hay bề mặt dán dính có độ khó cao, băng dính mỏng của 3M mang lại khả năng bám dính và thích ứng đáng tin cậy.

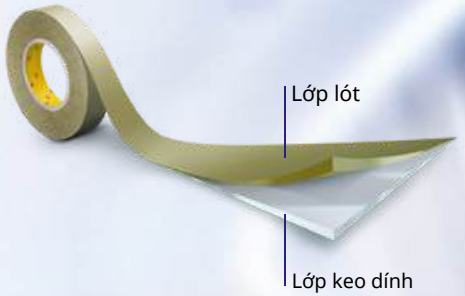

Băng dính hai mặt không có lớp gia cường

- **Độ dày: 25 – 250 µm**
- Tính linh hoạt và khả năng thích ứng cao
- Bù trừ độ nhám bề mặt rất hiệu quả
- Khả năng chịu nhiệt cao hơn băng dính 2 mặt
- Dùng cho qui trình gia công tự động hóa với bề mặt dán dính rộng
- Khó xử lý và cắt bế hình dạng (các vấn đề về vết răm mép) hơn so với băng dính 2 mặt (có thể dùng sợi gia cố để xử lý dễ dàng hơn)

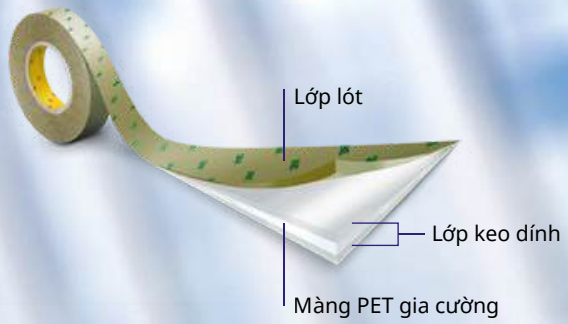

Băng dính hai mặt có lớp gia cường

- **Độ dày: 25 – 250 µm**
- Độ linh hoạt và khả năng thích ứng thấp hơn
- Bù đắp cho độ nhám bề mặt kém hiệu quả hơn
- Màng gia cường hạn chế khả năng chịu nhiệt độ
- Tăng cường độ ổn định cấu trúc nhờ vào màng gia cường
- Dễ dàng xử lý và cắt bế hình dạng hơn
- Dễ dàng cắt bỏ phần thừa
- Có nhiều dạng kết hợp loại keo dán khác nhau ở cả hai mặt
- Có thể thi công bằng con lăn

Băng dính hai mặt 3M™ cho liên kết mỏng

Số hiệu sản phẩm	Độ dày (mm)	Khả năng chịu nhiệt độ (°C) ngắn hạn	Khả năng thích nghi với thời tiết	Băng dính hai mặt có/không có lớp gia cường	Vật liệu lớp lót chống dính	Màu sắc	Chứng nhận
Giải pháp đa dụng							
Băng dính hai mặt mỏng dùng cho công nghiệp đa năng lý tưởng cho nhiều ứng dụng và vật liệu nền nền khác nhau như: Thép không gỉ, HDPE, ABS, Acrylic PP, Polycarbonate, Nhôm, Kính	GPT-020	0,200	190	+++	Băng dính có lớp gia cường PP	Giấy kraft phủ poly	◌	
	GPT-020F	0,200	190	+++	Băng dính có lớp gia cường PP	Lớp film lót chống dính	◌	
Kim loại / Bề mặt dễ dính							
Đối với kim loại và chất nền có năng lượng bề mặt cao như: Nhôm, Kim loại sơn tĩnh điện: Đồng, Thép không gỉ và Kẽm, Hợp chất, Sợi Carbon, Gốm, Acrylic, Sợi Thủy Tinh, Nhựa: Polycarbonate, Polyester, Polyimide, Polystyrene và Vinyl Cứng	467MP	0,058	200	+ +	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL746C UL969
	467MPF	0,058	200	+ +	Băng dính không có lớp gia cường	Phim PET	◌	UL746C UL969
	7952MP	0,058	200	+ +	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL746C UL969
	468MP	0,132	200	+ +	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL746C UL969
	7955MP	0,132	200	+ +	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL746C UL969
	7956MP	0,167	150	+++	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL746C UL969
Nhựa / Bề mặt khó dính							
Được thiết kế đặc biệt để liên kết các chất nền có năng lượng bề mặt thấp một cách an toàn và đáng tin cậy với độ bám dính ban đầu cao và độ bền cắt cao như: • Nhựa ABS, Nhôm tráng nylon, Giấy tráng, Cao su EPDM, Xốp, Than chì, Lưới kim loại, Bề mặt sơn, Màng PET, Polycarbonate tráng, Polypropylene, Bề mặt sơn tĩnh điện, Kim loại có in mực trên bề mặt, Cao su Polyurethane, Cao su và Gỗ SIS	9471LE	0,058	150	+ +	Băng dính có/không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	
	9472LE	0,132	150	+ +	Băng dính có/không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL969
	93010LE	0,100	150	+++	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL746C
	93015LE	0,150	150	+++	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL746C
	93020LE	0,200	150	+++	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL746C
	9495LE	0,170	150	+ +	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	●	UL969
Nhiệt độ cao / Môi trường khắc nghiệt							
Hoạt động tốt trong điều kiện nhiệt độ cao và các môi trường khắc nghiệt khác: • Chịu được nhiệt độ ngắn hạn lên đến 260 °C • Dung sai nhiệt độ hoạt động lên đến 150 °C • Keo dán có tính bền có khả năng chống hóa chất, tia UV và dung môi	F9460PC	0,058	260	+++	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL746C
	F9469PC	0,132	260	+++	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL746C
	F9473PC	0,269	260	+++	Băng dính không có lớp gia cường	Giấy kraft phủ poly	◌	UL746C

◌ Trong suốt ● Trắng

Bề mặt lớn cán mỏng | **Dán khung vành** | **Gắn gioăng, vòng đệm**

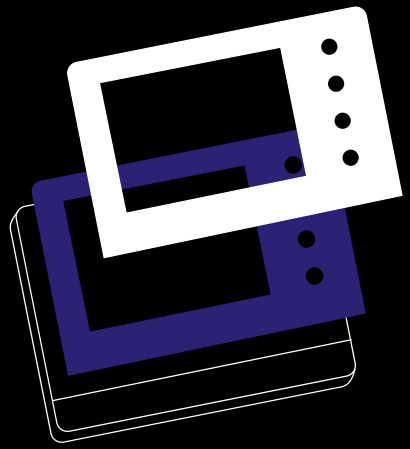

Mẫu miễn phí
Liên hệ với chúng tôi để yêu cầu mẫu miễn phí.

Cắt bế hình dạng băng dính
Bạn cần hình dạng hoặc kích thước cụ thể? Hãy tìm hiểu chi tiết.

Công cụ chọn sản phẩm trực tuyến
Để biết thêm chi tiết thông tin, vui lòng truy cập

Bạn đang tìm kiếm một giải pháp đóng mở nhiều lần?

Khóa kép™ 3M™

Khi bạn cần khóa móc hoặc phụ kiện liên kết chắc chắn, đáng tin cậy nhưng vẫn có thể tháo rời khi cần, khóa kép™ 3M™ là giải pháp thay thế đơn giản cho các phương pháp cố định truyền thống như vít, đai ốc hoặc bu lông. Có nhiều loại sản phẩm đáp ứng các yêu cầu cụ thể của bạn, như khả năng chịu nhiệt, độ ẩm, tia UV và nhiệt lửa. Kết hợp các sản phẩm này với nhau để đạt được mục đích công năng theo yêu cầu của bạn.

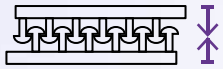

Tính linh hoạt về thiết kế

- Nhẹ và nhỏ gọn
- Khóa móc ẩn chìm dưới bề mặt không ảnh hưởng đến tính toàn vẹn trong thiết kế
- Không để lại lỗ hoặc vết tích bề mặt như cách bắt ốc vít truyền thống

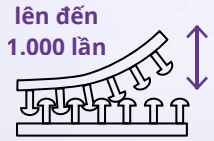

Hiệu suất đáng tin cậy

- Các đầu móc hình nấm hoạt động chắc chắn, khóa chặt với nhau (có tiếng lách tách dịu tai khi đóng mở)
- Mở bằng cách kéo ngược
- Độ bền — lên đến 1.000 lần mở và đóng và vẫn duy trì 50% lực giữ ban đầu sau thời lượng trên
- Các đầu hình nấm lồng vào nhau có độ bền kéo lớn hơn gấp 5 lần các sản phẩm móc lông thông thường

Giảm ồn thông qua khả năng giảm chấn

- Tính chất nhớt đàn hồi của băng dính foam keo acrylic 3M™, kết hợp với các đầu móc bằng polyolyfen hình nấm trên Khóa kép™ 3M™ giúp giảm rung chấn

Thi công nhanh chóng và dễ dàng

- Keo dính nhanh khi tiếp xúc với bề mặt nhiều loại vật liệu mà không cần dụng cụ chuyên dụng
- Không cần khoan, bắt vít, hay máy chỉ
- Có thể chọn loại khóa kép không có keo dính

Kết hợp mật độ đầu móc	
Lực giữ lớn nhất	DL250: DL400
Lực giữ lớn	DL 250: DL 250 hoặc DL 170: DL 400
Lực giữ vừa	DL 170 : DL 250
Không nên dùng	DL 170: DL 170 hoặc DL 400: DL400

Kết hợp lực giữ hoán đổi

DL400	DL250	DL 170
62 đầu móc/ /cm²	40 đầu móc/ /cm²	26 đầu móc/ /cm²

Tùy chỉnh theo ứng dụng của bạn

- Kết hợp các loại khóa kép với mật độ đầu móc khác nhau để có được lực giữ mong muốn
- Có thể tùy chọn khổ rộng với các loại keo khác nhau
- Thi công & bảo trì dễ dàng

Khóa kép™ 3M™	Số hiệu Sản phẩm	Độ dày móc ngậm (mm)	Loại keo	Mật độ đầu móc (/ cm2)	Lực giữ	Mức chịu nhiệt độ (°C)	Số lần đóng mở	Sử dụng trong nhà/ ngoài trời	Màu sắc
Đối với vật liệu nhựa									
Liên kết với nhiều loại vật liệu nền bao gồm: • Polypropylen • Polyetylen	SJ3540	5.7	Cao su	40	9	49	1.000 lần	Trong nhà	○
	SJ3541	5.7	Cao su	62	9	49	1.000 lần	Trong nhà	○
	SJ3542	5.7	Cao su	26	9	49	1.000 lần	Trong nhà	○
Lý tưởng cho các mối nối nhiều vật liệu									
Liên kết với nhiều loại vật liệu nền bao gồm: • Kim loại • Kính • Nhựa (như acrylic, polycarbonate và ABS) Hãy thử kết hợp các loại Type 170, Type 250 hoặc Type 400 khác nhau để đạt được lực giữ mong muốn	SJ3550CF	5.7	acrylic không màu	40	10	93	1.000 lần	Trongnhà & ngoài trời	○
	SJ3551CF	5.7	acrylic không màu	62	10	93	1.000 lần	Trongnhà & ngoài trời	○
	SJ3552CF	5.7	acrylic không màu	26	10	93	1.000 lần	Trongnhà & ngoài trời	○
Đối với vật liệu trong suốt									
Với vật liệu cần đặc tính trong suốt dán lên: • Kim loại • Thủy tinh • Nhựa (như acrylic, polycarbonate và ABS)	SJ3560	5.7	acrylic không màu	40	10	104	1.000 lần	Trong nhà & ngoài trời	◌
Dành cho bề mặt sơn tĩnh điện									
Để dán lên: Vật liệu có bề mặt năng lượng thấp như sơn tĩnh điện và nhiều loại nhựa	SJ3870	6.1	Acrylic biến đổi	40	10	82	1.000 lần	Trong nhà & ngoài trời	○
Vật liệu năng lượng cao như kim loại (bao gồm cả thép) Sự kết hợp của vật liệu bề mặt năng lượng thấp và bề mặt năng lượng cao	SJ3871	6.1	Acrylic biến đổi	62	10	82	1.000 lần	Trong nhà & ngoài trời	○
Với mối dán có liên kết mỏng									
Độ dày và trọng lượng thấp hơn một nửa so với Khóa kép™ 3M™ tiêu chuẩn. Keo dán thuộc nhóm có năng lượng bề mặt thấp liên kết tốt với: • Kim loại • Sơn tĩnh điện • Nhựa (nhiều loại)	SJ4570	2.31	Acrylic biến đổi	109	7	70	150 lần	Trong nhà & ngoài trời	◌
Tùy chọn kiểu khóa móc									
Độ dày và trọng lượng thấp hơn một nửa so với Khóa kép™ 3M™ tiêu chuẩn. Keo dán thuộc nhóm có năng lượng bề mặt thấp liên kết tốt với: • Kim loại • Sơn tĩnh điện • Nhựa (nhiều loại)	SJ3526 (dạng móc) & SJ3527 (dạng lỗ)	3.6	Cao su		4	49	5.000 lần	Trong nhà	○●
	SJ3571 (dạng móc) & SJ3572 (dạng lỗ)	3.6	Acrylic		4	93	5.000 lần	Trong nhà & ngoài trời	○●

○ Đen ◌ Trong suốt ● Trắng

Tấm pa-nel với hệ khung

Dán khung vành

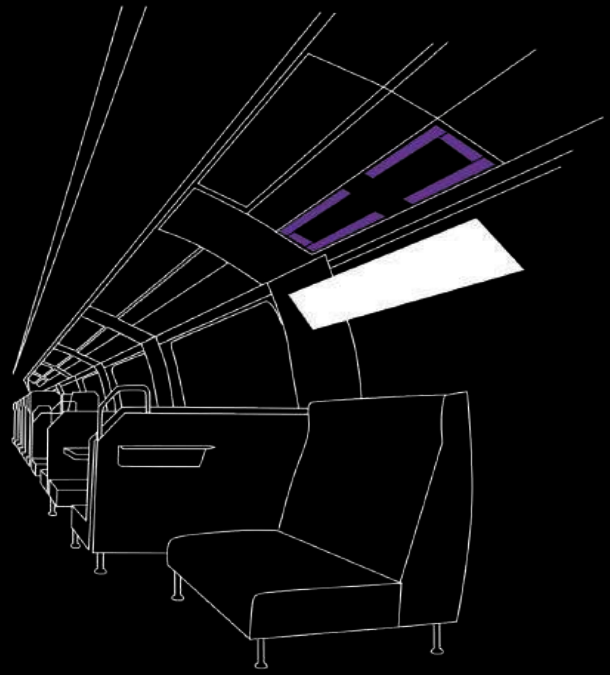

Mẫu miễn phí

Liên hệ với chúng tôi để yêu cầu mẫu miễn phí.

Cắt theo hình dạng đặc thù

Bạn cần hình dạng hoặc kích thước cụ thể? Hãy tìm hiểu chi tiết.

Công cụ chọn sản phẩm trực tuyến

Để biết thêm chi tiết thông tin, vui lòng truy cập

Keo cường lực 3M™ Scotch-Weld™

Các loại keo dán này được thiết kế để có cường lực cao, độ bền và cho những ứng dụng cần tới khả năng chịu tải lâu dài đáng tin cậy.

• Keo kết cấu có khả năng chịu tải cao nhất (so với các loại keo khác)

• Khả năng chống chịu môi trường và hóa chất tuyệt vời

• Thành phần hóa học đóng rắn 100% (không lo ngại xử lý dung môi xả thải)

• Có nhiều loại với thời gian đóng rắn & đặc tính khác nhau

• Đóng rắn theo một quá trình không thể đảo ngược giúp cung cấp khả năng kháng nhiệt và dung môi tuyệt với

• Không có đặc tính cần tiếp xúc với không khí để ninh kết hoặc độ ẩm (như silicone 1 thành phần và chất trám polyurethane); và do đó, có độ đóng rắn sâu không giới hạn.

Liên kết tốt hơn

• Thuộc loại keo siêu bền hấp thu sốc tốt cho mối dán bền chắc

Liên kết dẻo dai

• Hấp thụ rung động và chênh lệch CTE (Hệ số giãn nở nhiệt)

Nâng cao năng suất

• Nhiều mức đông kết khác nhau phù hợp với từng yêu cầu

• Thi công nhanh hơn mà không phải chuẩn bị bề nhiều

• Chịu được nhiệt độ cao trong quá trình gia công

Chính xác và dễ dàng

• Dùng súng 3M™ EPX™ để trộn keo & nhả keo đồng đều

• Lựa chọn keo có đặc tính nhớt đàn hồi và tốc độ chảy khác nhau theo yêu cầu xử lý

Số hiệu Sản phẩm	Thời gian chỉnh keo ở 24 °C (phút)	Thời gian keo bắt đầu có cường lực ở 24 °C (phút)	Độ nhớt đàn hồi ở 24 °C mPas)	Lực lột theo pp. Test con lăn nổi ở 24 °C (N/cm)	Lực xé chồng mí MPa - 55 °C	Lực xé chồng mí MPa 24 °C	Lực xé chồng mí MPa 82°C	Tỉ lệ trộn (khối lượng) B:A	Màu sắc	Chứng nhận
Nhóm liên kết với kim loại										
• Liên kết với kim loại trơn, hoặc dính ít dầu • Liên kết kim loại trước công đoạn sơn tĩnh điện • Cường lực cao • Liên kết bền tốt giữa kim loại, nhựa và vật liệu tổng hợp • Khả năng chống va đập tuyệt vời • Nhả keo dễ dàng	DP8405NS	5	15	70.000	89	18	28	6	10:1		EN45545 UL
	DP8407NS	7	24	20.000	89	23	31	10	10:1		
	DP8410NS	10	25	70.000	89	25	28	6	10:1		
	DP8425NS	25	50	70.000	89	26	26	6	10:1		EN 45545
Nhóm liên kết với nhựa										
• Liên kết với nhựa có năng lượng bề mặt thấp • Mùi nhẹ • Độ nhớt đàn hồi trung bình • Liên kết cường độ cao đối với nhựa và các bề mặt khó dính	DP8005	3	180	25.000	không có	6	14	3	10:1		
	DP8005	3	180	25.000	không có	5	15	3	10:1		
	DP8010	10	60	20.000	không có	19	19	3	10:1		
Nhóm cho liên kết với đa dạng vật liệu										
• Liên kết hầu hết các vật liệu tổng hợp và vật liệu nền không giống nhau • Không chảy xệ	DP6310NS	9	45	Không chảy xệ	36	24	25	6	1:1		EN 45545
• Độ bền và tính linh hoạt vượt trội ngay cả trên bề mặt khó dính	DP6330NS	30	120	Không chảy xệ	36	25	25	7	1:1		EN 45545
Nhóm cho môi trường nhiệt độ cao và độ ẩm cao										
• Lý tưởng cho các ứng dụng nhiệt độ và độ ẩm cao: duy trì cường lực ở 85 °C	DP8910NS	10	16	45.000	18	15	22	11	10:1		UL
Nhóm có dặc tính linh hoạt										
• Độ giãn dài cao lên đến 200% • Cường lực liên kết, độ bền, và độ linh hoạt tuyệt vời • Hạn chế lộ đường keo dán • Không bắt cháy • Công thức ít mùi	DP8610NS	10	18	130.000	100	24	7	2	10:1		EN45545
	DP8625NS	23	28	130.000	100	24	7	2	10:1		UL
Nhóm đặc chủng siêu bền										
• Khả năng chống chịu môi trường tuyệt vời • Epoxy cứng cho khả năng chịu va đập cao • Hiệu suất chống sức mỏi vật liệu tốt • Dùng cho các ứng dụng công nghiệp nặng	DP420	20	120	30.000	125	31	31	9	2:1		EN45545
	DP420NS	20	120	180.000	107	31	31	9	2:1		
	7240 FR	45	360	120.000	92	18	27	12	2:1		
	DP460	60	120	30.000	142	31	31	5	2:1		EN45545
	DP490	90	240	90.000	60	25	31	14	2:1		
Nhóm thi công nhanh										
• Đóng rắn và đạt cường lực nhanh • Hiệu suất ở nhiệt độ thấp • Độ bền va đập và bóc tách tuyệt vời • Lực liên kết tuyệt vời, độ bền và khả năng chống va đập, lý tưởng cho các ứng dụng cần đến chỉ số ổn định	DP8705NS	5	6	80.000	60	30 (Tại- 40 °C)	16	4	10:1		EN 45545
	DP8710NS	10	13	80.000	60	30 (Tại- 40 °C)	16	4	10:1		UL
Nhóm cho môi trường khắc nghiệt										
• Khả năng chịu nhiệt nóng, nước và hóa chất tuyệt vời • Hiệu suất ở nhiệt độ thấp: đến -40 °C • Không ăn mòn kim loại • Không bắt cháy • Công thức ít mùi	DP8725NS	23	25	80.000	60	30 (Tại- 40 °C)	16	4	10:1		

Đen · Xanh lá · Trong suốt · Trắng ngà

Bề mặt lớn cán mỏng

Gắn khớp nối

Hàn kín

Dán khung vành

Gắn gioăng, vòng đệm

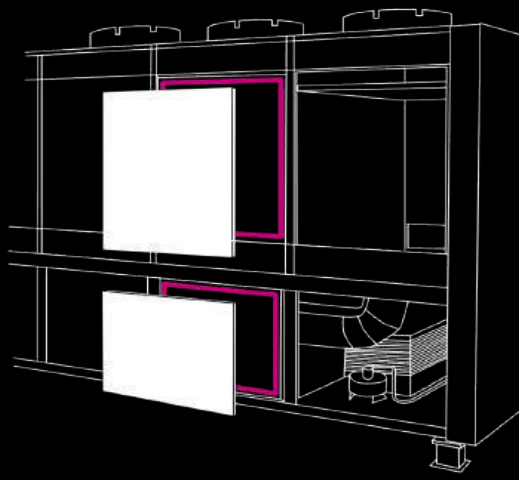

Mẫu miễn phí

Liên hệ với chúng tôi để yêu cầu mẫu miễn phí.

Công cụ chọn sản phẩm trực tuyến

Để biết thêm chi tiết thông tin, vui lòng truy cập

Cắt hình bế băng dính | Nâng cao quy trình

Lựa chọn băng dính phù hợp để cắt theo hình dáng thiết kế mang lại nhiều lợi ích, bao gồm độ chính xác, tiết kiệm chi phí, tăng năng suất và cải thiện hiệu suất sản phẩm tổng thể. Đây là lựa chọn chiến lược cho các doanh nghiệp muốn tối ưu hóa quy trình và đạt được kết quả chất lượng cao.

Tìm Nhà Gia Công Hình Bế Băng Dính Hàng Đầu

Lợi ích từ các chi tiết cắt dập theo hình.

1.Độ chính xác và tính tùy chỉnh:

Tùy biến giải pháp phù hợp với độ chính xác cao và cho nhiều mục đích

2. Hiệu quả và tính nhất quán:

Đồng bộ lắp ráp, giảm chi phí nhân công và đảm bảo kết quả đồng nhất

3. Giảm thiểu chất thải và hiệu quả chi phí:

Giảm thiểu lãng phí vật liệu, tiết kiệm chi phí và sản xuất thân thiện môi trường

4.Nâng cao hiệu suất và thi công dễ dàng

Liên kết keo dán tối ưu để cải thiện hiệu suất và hoàn thiện thân thiện với người dùng.

5. Tính linh hoạt và đảm bảo chất lượng:

Ứng dụng cho nhiều ngành công nghiệp, đáp ứng đa dạng các yêu cầu song song với các biện pháp kiểm soát chất lượng

Giải pháp trải keo

Tự động hóa mang lại nhiều lợi ích, bao gồm tối ưu hóa việc sử dụng lao động, giảm chi phí, tăng sản lượng, an toàn cho người lao động và đảm bảo chất lượng.

Ghé thăm trực tuyến: Tham quan 360° Trung tâm xử lý qui trình liên kết của 3M.

Đặt lịch hẹn ngay hôm nay: Lên lịch ghé thăm trực tuyến hoặc trực tiếp tại Trung tâm xử lý qui trình liên kết 3M

Sổ tay hướng dẫn về tự động hóa liên kết: Sổ tay cung cấp cho bạn hiểu biết cơ bản về tự động hóa quy trình liên quan tới băng dính và keo lỏng.

Tìm hiểu thêm

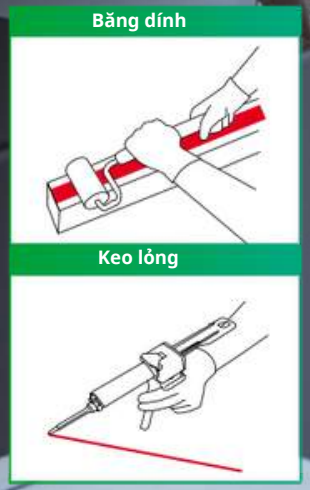

Công cụ cơ bản

Công cụ cơ bản đơn giản, cải thiện qui trình mà không cần tự động hóa

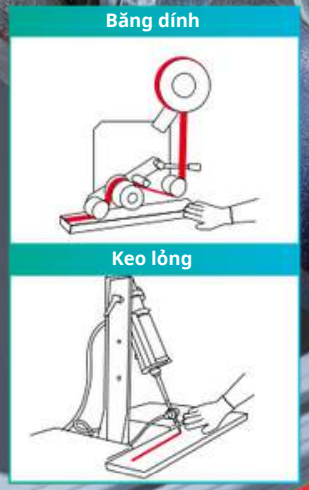

Hỗ trợ quy trình

Thiết bị cơ khí hoặc điện đơn giản giúp tăng năng suất các thao tác bằng tay

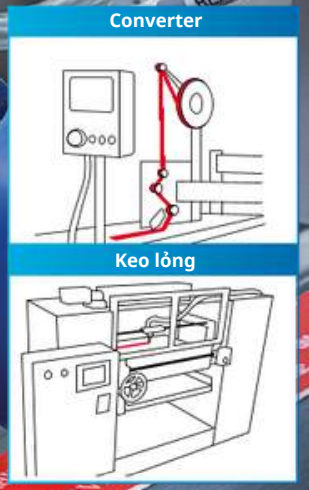

Tự động hóa lắp cố định

Vận hành tự động hóa các công đoạn để thực hiện 1 qui trình thao tác chi tiết nhằm cải thiện độ chính xác, tốc độ và giảm lao động

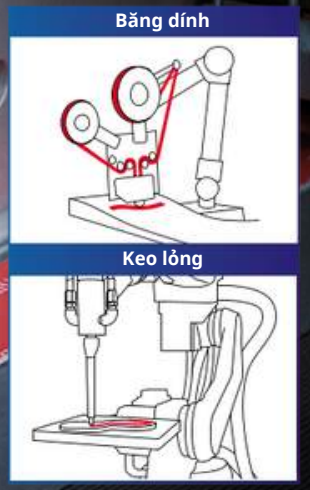

Tự động hóa linh hoạt

Vận hành tự động hóa các công đoạn để thực hiện nhiều hơn 1 qui trình thao tác hoặc sử dụng cho 1 mục đích khác sau này. Thường tích hợp robot

Lợi ích của việc tự động hóa qui trình ứng dụng keo lỏng hay băng dính

Lắp ráp

- Tăng chất lượng
- Cải thiện thẩm mỹ
- Tăng tính nhất quán và độ chính xác vị trí liên kết

Qui trình

- Cải thiện việc truy xuất vết tích
- Giảm mệt mỏi vận hành
- Khó tìm lao động/ Thiếu lao động
- Tăng cường an toàn
- Giảm thời gian dừng chuyền
- Tăng thông lượng
- Độ phức tạp của hoạt động

Chi phí

- Cải thiện hiệu suất vận hành
- Giảm chi phí cao
- Tỉ lệ nhân công
- Giảm công việc dở dang
- Giảm hàng tồn kho

Kiểm tra mối dán | Nhận hỗ trợ từ đội ngũ phụ trách phòng thí nghiệm 3M

Các cơ sở hiện đại của chúng tôi cung cấp vô số các mẫu kiểm tra để đảm bảo độ tin cậy và độ bền của băng dính và keo. Từ đánh giá độ bền cắt và lực bóc tách đến thử nghiệm đánh giá độ bền sử dụng ngoài môi trường, chúng tôi cung cấp chi tiết các phân tích của mình để đáp ứng nhu cầu cụ thể của bạn. Hãy tin tưởng 3M với dịch vụ cung cấp các mẫu kiểm định tỉ mỉ, đảm bảo các mối dán được kiểm tra sẽ vượt qua thử thách của thời gian. Khám phá các dịch vụ kiểm tra toàn diện của chúng tôi và nâng tầm chất lượng và độ tin cậy cho các dự án của bạn.

Tìm hiểu thêm

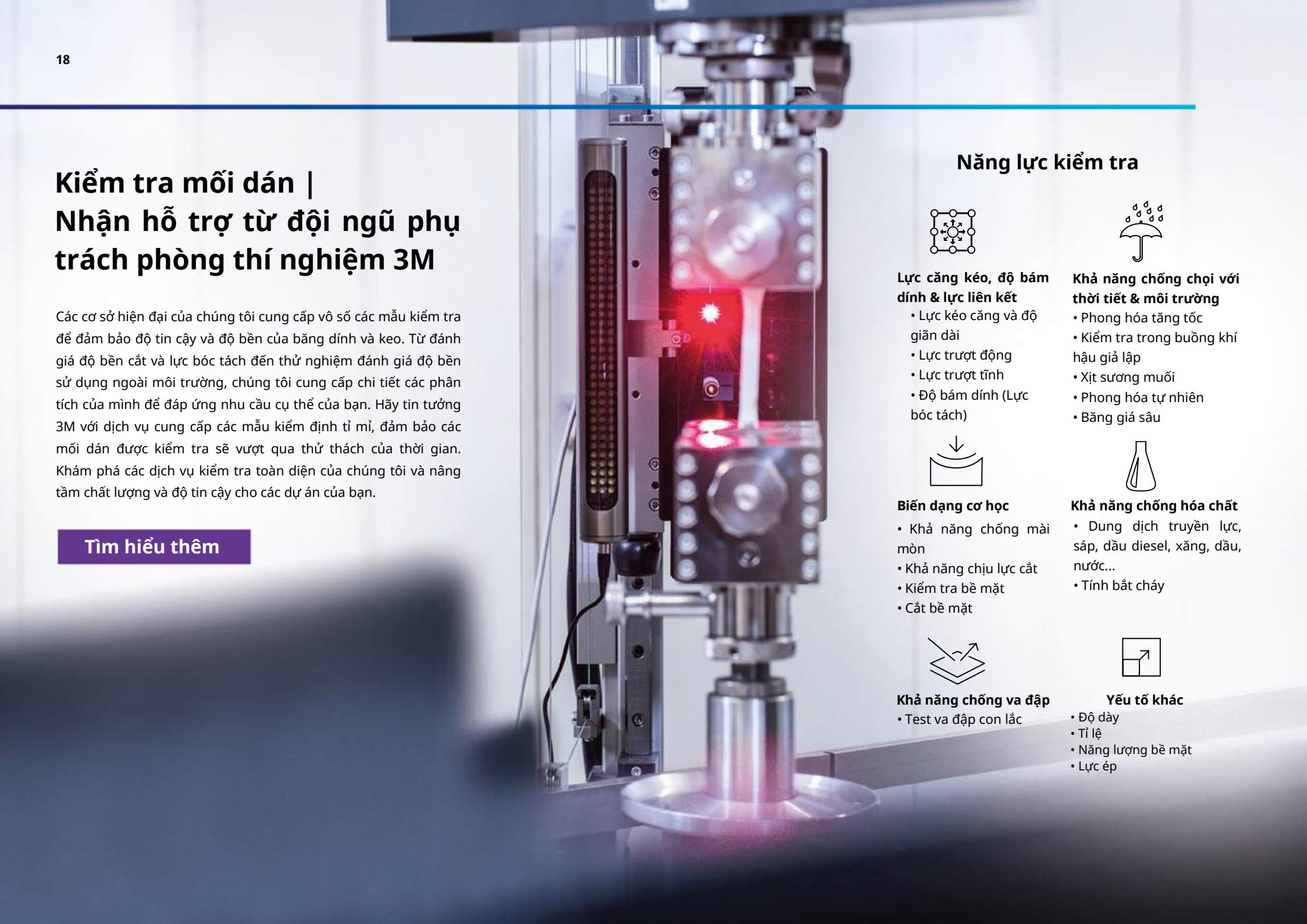

Năng lực kiểm tra

Lực căng kéo, độ bám dính & lực liên kết
- Lực kéo căng và độ giãn dài
- Lực trượt động
- Lực trượt tĩnh
- Độ bám dính (Lực bóc tách)

Khả năng chống chọi với thời tiết & môi trường
- Phong hóa tăng tốc
- Kiểm tra trong buồng khí hậu giả lập
- Xịt sương muối
- Phong hóa tự nhiên
- Băng giá sâu

Biến dạng cơ học
- Khả năng chống mài mòn
- Khả năng chịu lực cắt
- Kiểm tra bề mặt
- Cắt bề mặt

Khả năng chống hóa chất
- Dung dịch truyền lực, sáp, dầu diesel, xăng, dầu, nước...
- Tính bắt cháy

Khả năng chống va đập
- Test va đập con lắc

Yếu tố khác
- Độ dày
- Tỉ lệ
- Năng lượng bề mặt
- Lực ép

Thiết kế giả lập với phương pháp FEA

Tìm hiểu thêm

Phân tích phần tử xác định (FEA) là gì?
FEA là một công cụ kỹ thuật ảo được sử dụng để dự đoán cách thức các cấu trúc hoạt động trong các điều kiện khác nhau.

Nó hoạt động thế nào?
Phân tách các hệ thống phức tạp thành các thành phần nhỏ hơn để phân tích chi tiết. Dự đoán các lượng tính như ứng suất và biến dạng.

Thẻ dữ liệu vật liệu trong FEA
Sử dụng thẻ dữ liệu vật liệu thể hiện hành vi vật liệu trong mô phỏng.

Lợi ích chính
Cho phép khám phá nhanh chóng và tiết kiệm chi phí các thiết kế lặp. Xác định điểm yếu và đảm bảo thiết kế đáp ứng các tiêu chuẩn về an toàn và hiệu suất.

Tối ưu hóa thiết kế
Có giá trị trong giai đoạn thiết kế để tinh chỉnh và nâng cao độ tin cậy của sản phẩm.

Tiết kiệm chi phí và thời gian
Giảm số lượng nguyên mẫu vật lý, tiết kiệm cả thời gian và tài nguyên.

Tại sao FEA lại quan trọng
Cung cấp thông tin cho việc ra quyết định, mang tới những thiết kế hiệu quả và đáng tin cậy hơn.

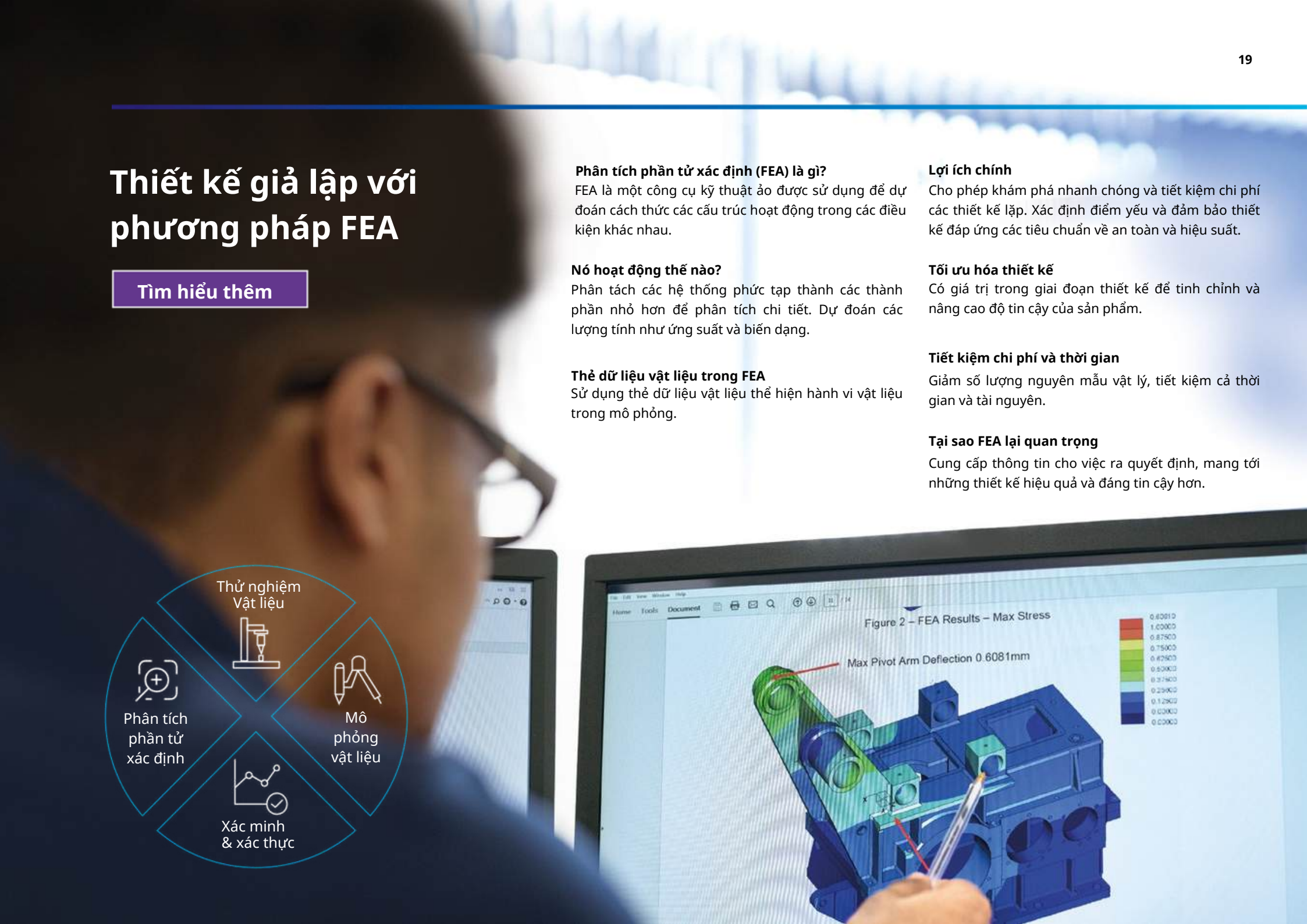

Cách bắt đầu Dự án của bạn.

Quét hoặc nhấp vào mã QR và hoàn thành biểu mẫu. Các chuyên gia của chúng tôi sẽ sớm liên hệ với bạn và giúp bạn có được giải pháp bạn đang tìm kiếm.

Liên hệ với chúng tôi

Ghé thăm chúng tôi trực tuyến.

Truy cập trang web của chúng tôi và tìm hiểu thêm về các giải pháp liên kết.

Trang web

Bạn đã sẵn sàng nâng cao kiến thức của mình chưa?

Truy cập nền tảng hội thảo trực tuyến của chúng tôi và tìm hiểu thêm về:

- Liên kết vật liệu
- Các sản phẩm
- Kiểm tra kỹ thuật
- Video giáo dục
- Ví dụ về các ngành công nghiệp

Hội thảo trực tuyến

VinhThái®
Local Supply - Global Quality

20 năm
ĐỒNG HÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ LIÊN KẾT VẬT LIỆU

Vinh Thái Co. ltd | 3M Authorised Distributor

Trụ sở:
Phòng 601, B2 Tòa Nhà Sky Central số 176 Định Công, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Trung Tâm Cung Ứng & Gia Công:
B1-D, số 5 đường 21A, cụm BWID, Khu CN VSIP Bắc Ninh, Đại Đồng, Tiên Du, Bắc Ninh

SĐT: 024 3664 6638

Email: contact@vinhthai.vn

Hotline sale

(Mr) **Đoàn Anh Tuấn**
Sales Executive
M: (+84) 904 706 266
E: tuan-da@vinhthai.vn